

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 10 (TỪ 8/11 ĐẾN 13 /11/2021)

1. MÔN: GDCD 8

Tích hợp: Bài 5: Pháp luật và kỷ luật

Bài 21: Pháp luật nước CHXHCNVN

CHỦ ĐỀ: PHÁP LUẬT NƯỚC CHXNCN VIỆT NAM (04 tiết)

Tiết 1+2 .

A . LÝ THUYẾT (Nội dung cần học)

I. Đặt vấn đề: (Tùy theo GV hướng dẫn cho Hs nắm được nội dung bài)

II. Nội dung bài học:

1. Pháp luật?

- Các qui tắc xử sự chung;
- Có tính bắt buộc;
- Do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.

2. Kỷ luật là những qui định, qui ước của một cộng đồng, một tập thể nhằm đảm bảo sự phối hợp thống nhất và chặt chẽ

3. Qui định của một tập thể:

- Phải tuân theo qui định của pháp luật;
- Không được trái với pháp luật.

4. Đặc điểm của pháp luật

a. Tính quy phạm phổ biến:

Các quy định của pháp luật là :

- Khuôn mẫu, thước đo hành vi của mọi người;
- Những qui tắc xử sự chung mang tính phổ biến.

b. Tính xác định chặt chẽ: Điều luật phải rõ ràng, chính xác, chặt chẽ.

c./ Tính cưỡng chế:

- Mang tính quyền lực Nhà nước;
- Mọi người đều phải tuân theo;
- Nếu vi phạm sẽ bị xử lí.

B . LUYỆN TẬP :

Câu 1 : Em hãy cho biết pháp luật là gì ? Nêu 2 việc làm thực hiện đúng pháp luật?

Câu 2: Theo em kỉ luật là gì ? Nêu những việc làm thể hiện tính kỉ luật ?

C . DẶN DÒ:

- + Ghi nội dung bài học (1,2,3,4) vào tập .
- + Làm phần luyện tập (câu 1,2)
- + Đọc nội dung bài học phần còn lại ở SGK .

-----HẾT-----

2. MÔN: CÔNG NGHỆ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHỦ ĐỀ : BẢN VẼ KỸ THUẬT

Bài 15+16: BẢN VẼ NHÀ + BTTH ĐỌC BẢN VẼ NHÀ ĐƠN GIẢN

I-Nội dung của bản vẽ lắp:

- Bản vẽ nhà là một loại bản vẽ xây dựng thường dùng.
 - Bản vẽ nhà gồm các hình biểu diễn (mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt) và các số liệu xác định hình dạng, kích thước, cấu tạo của ngôi nhà.
 - Bản vẽ nhà được dùng trong thiết kế và thi công xây dựng ngôi nhà.
 - Nội dung của bản vẽ nhà: (xem SGK)
- + Mặt đứng
 - + Mặt bằng
 - + Mặt cắt

II. Kí hiệu quy ước một số bộ phận của ngôi nhà:

(Xem bảng 15.1 trong SGK trang 47)

II-Đọc bản vẽ nhà :

Trình tự đọc bản vẽ lắp gồm 4 bước:

Bước 1: Khung tên:

- Tên gọi ngôi nhà
- Tỉ lệ bản vẽ

Bước 2: Hình biểu diễn

- Tên gọi hình chiếu
- Tên gọi mặt cắt

Bước 3: Kích thước

- Kích thước chung
- Kích thước từng bộ phận

Bước 4: Các bộ phận

- Số phòng
- Số cửa đi và số cửa sổ
- Các bộ phận khác

B.LUYỆN TẬP:

Câu 1: Thế nào là bản vẽ nhà? Bản vẽ nhà dùng để làm gì?

Câu 2: Em hãy nêu trình tự đọc bản vẽ nhà?

Câu 3: Xem lại cách đọc bản vẽ nhà một tầng (h.15.1) theo bảng 15.1 trong SGK trang 48.

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 16: Bài tập thực hành ĐỌC BẢN VẼ LẮP ĐƠN GIẢN

I. Chuẩn bị: (xem SGK)

II. Nội dung:

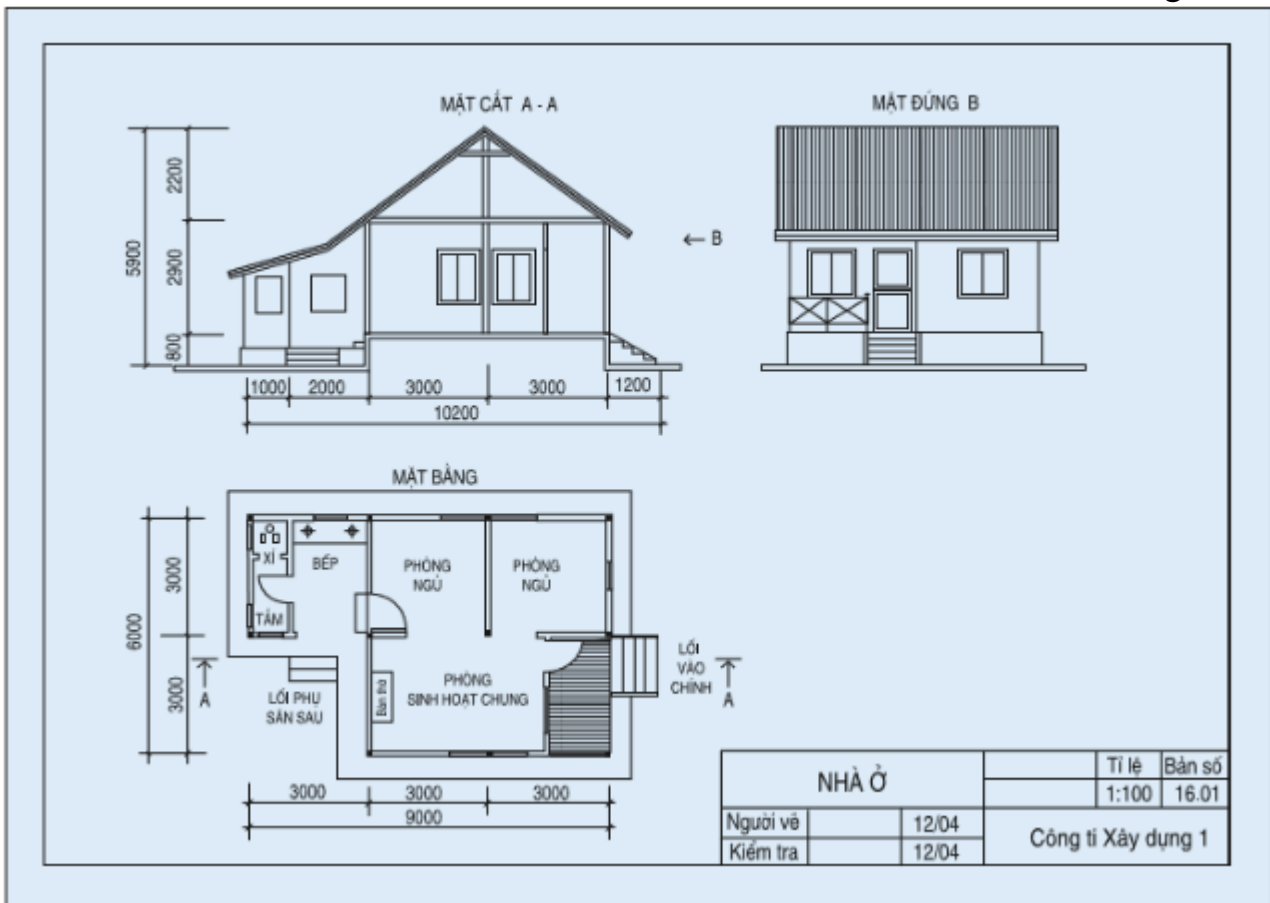
Đọc bản vẽ nhà ở (h.16.1) và trả lời các câu hỏi theo mẫu bảng 15.2 (ở bài 15)

III. Các bước tiến hành:

- Cần nắm vững cách đọc bản vẽ nhà
- Đọc bản vẽ nhà ở theo trình tự như ví dụ ở bài 15

B. LUYỆN TẬP: (Hướng dẫn HS tự học)

Học sinh tự học: Đọc bản vẽ nhà ở theo trình tự như ví dụ ở bài 15 vào bảng.



Hình 16.1: Bản vẽ nhà ở

C. DẶN DÒ:

- HS ôn lại nội dung bài học, ghi chép bài vào tập.
- Hoàn thành bài tập tuần 10 trên trang lớp học kết nối.
- Xem trước bài 18- Vật liệu cơ khí

Lớp : STT:.....Họ và tên HS:

NỘI DUNG: Đọc bản vẽ nhà ở (h.16.1) và trả lời các câu hỏi theo mẫu bảng 15.2 (ở bài 15)

Trình tự đọc	Nội dung cần hiểu	Bản vẽ nhà ở (h.16.1)
1. Khung tên	- Tên gọi ngôi nhà - Tỷ lệ bản vẽ	
2. Hình biểu diễn	- Tên gọi hình chiếu - Tên gọi mặt cắt	
3. Kích thước	- Kích thước chung - Kích thước từng bộ phận	
4. Các bộ phận	- Số phòng - Số cửa đi và số cửa sổ - Các bộ phận khác	

-----HẾT-----

3. MÔN: HÓA HỌC KHỐI 8

CHỦ ĐỀ 6: PHƯƠNG TRÌNH HÓA HỌC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

- Phương trình hóa học biểu diễn ngắn gọn phản ứng hóa học.

- Các bước lập phương trình hóa học:

Bước 1: Viết sơ đồ phản ứng (thay tên chất bằng CTHH)

Bước 2: Cân bằng số nguyên tử của mỗi nguyên tố (tìm hệ số thích hợp đặt trước CTHH)

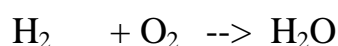
Bước 3: Viết phương trình hóa học

Ví dụ: Lập phương trình hóa học của phản ứng giữa khí hydrogen tác dụng với khí oxygen tạo ra nước.

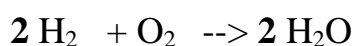
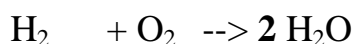
Phương trình chữ:

khí hydrogen + khí oxygen → nước.

Bước 1: Viết sơ đồ phản ứng:



Bước 2: Cân bằng:



Bước 3: Viết phương trình hóa học



- **Ý nghĩa của PTHH:** Phương trình hóa học cho biết tỉ lệ số nguyên tử, phân tử giữa các chất (tất cả các chất có trong PTHH) cũng như từng cặp chất (2 chất bất kì) trong phản ứng.

Ví dụ: Theo phương trình hóa học: $2 \text{H}_2 + \text{O}_2 \rightarrow 2 \text{H}_2\text{O}$

- Tỉ lệ các chất trong PTHH là:

Số phân tử H_2 : số phân tử O_2 : số phân tử H_2O = 2:1:2

- Tỉ lệ cặp chất là:

Số phân tử H_2 : số phân tử O_2 = 2:1

Số phân tử H_2 : số phân tử H_2O = 2:2 = 1:1

Số phân tử O_2 : số phân tử H_2O = 1:2

B. BÀI TẬP

Dạng 1: Lập phương trình hóa học và nêu tỉ lệ một cặp chất bất kì của các phản ứng sau:

1/ Phosphorus (P) tác dụng với khí oxygen (O₂) tạo ra hợp chất diphosphorus pentoxide (P₂O₅).

2/ Zinc (Zn) tác dụng với dung dịch sulfuric acid (H₂SO₄) sinh ra zinc sulfate (ZnSO₄) và khí hydrogen (H₂)

3. Sodium oxide (Na₂O) tác dụng với nước tạo thành sodium hydroxide (NaOH)

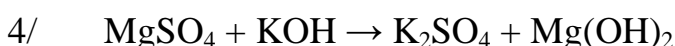
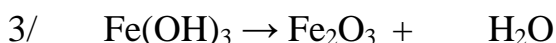
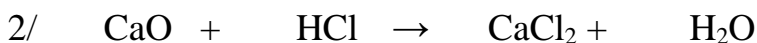
Mẫu:

Iron (Fe) tác dụng với hydrochloric acid (HCl) sinh ra iron (II) chloride (FeCl₂) và khí hydrogen (H₂)

Giải: - PTHH: $\text{Fe} + 2 \text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2$

- Tỉ lệ 1 cặp chất bất kì: Số nguyên tử Fe: Số phân tử HCl = 1 : 2

Dạng 2: Cân bằng các phương trình và cho biết tỉ lệ số nguyên tử, số phân tử của các chất có trong mỗi phản ứng.



Mẫu: Cân bằng các phương trình và cho biết tỉ lệ số nguyên tử, số phân tử của các chất có trong mỗi phản ứng.



Giải



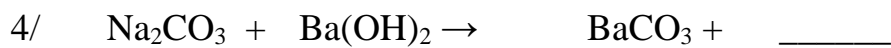
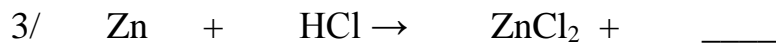
Tỉ lệ: số nguyên tử K: số phân tử O₂: số phân tử K₂O = 4 : 1 : 2



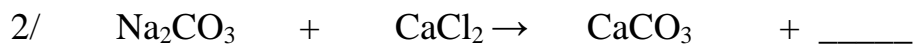
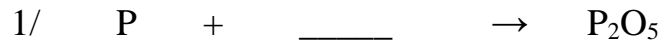
Tỉ lệ: số phân tử CuCl₂: số phân tử NaOH : số phân tử NaCl : số phân tử Cu(OH)₂ = 1 : 2 : 2 : 1

Dạng 3: Chọn hệ số và công thức hóa học thích hợp hoàn thành phương trình hóa học sau.

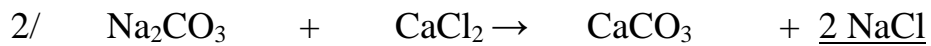
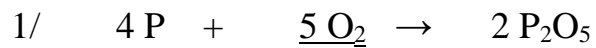




Mẫu: Chọn hệ số và công thức hóa học thích hợp hoàn thành phương trình hóa học sau.



Giải



C. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học và vận dụng kiến thức làm bài tập theo mẫu.
- Tham khảo các bài tập sgk/ 57, 58

-----HẾT-----

4A. MÔN: TOÁN. ĐẠI SỐ 8

ÔN TẬP CHƯƠNG 1

1/Các quy tắc

$$A(B+C-D) = AB+AC-AD$$

$$(A-B)(C+D) = AC+AD-BC-BD$$

$$(A-B+C):M = A:M-B:M+C:M$$

2/ Các hằng đẳng thức (SGK/16)

3/ Bài tập

Bài 1 (Bài 75/33). Tính

$$a) 5x^2(3x^2 - 7x + 2)$$

$$= 5x^2 \cdot 3x^2 - 5x^2 \cdot 7x + 5x^2 \cdot 2$$

$$= 15x^4 - 35x^3 + 10x^2$$

$$b) \frac{2}{3}xy(2x^2y - 3xy + y^2)$$

$$= \frac{4}{3}x^3y^2 - 2x^2y^2 + \frac{2}{3}xy^3$$

Bài 2 (Bài 76/33). Tính

$$a)(2x^2 - 3x)(5x^2 - 2x + 1)$$

$$= 10x^4 - 4x^3 + 2x^2 - 15x^3 + 6x^2 - 3x$$

$$= 10x^4 - 19x^3 + 8x^2 - 3x$$

$$b)(x-2y)(3xy+5y^2+x)$$

$$= 3x^2y + 5xy^2 + x^2 - 6xy^2 - 10y^3 - 2xy$$

$$= 3x^2y - xy^2 + x^2 - 10y^3 - 2xy$$

Bài 3. Dùng hằng đẳng thức để tính

$$a)(2x-3)^2$$

$$b)\left(\frac{1}{2}x-3y\right)\left(\frac{1}{2}x+3y\right)$$

$$c)(x+4y)(4y-x)$$

Giải

$$a)(2x-3)^2 = (2x)^2 - 2 \cdot 2x \cdot 3 + 3^2 = 4x^2 - 12x + 9$$

$$b)\left(\frac{1}{2}x-3y\right)\left(\frac{1}{2}x+3y\right) = \left(\frac{1}{2}x\right)^2 - (3y)^2 = \frac{1}{4}x^2 - 9y^2$$

$$c)(x+4y)(4y-x) = (4y+x)(4y-x) = (4y)^2 - x^2 = 16y^2 - x^2$$

Bài 4. Phân tích đa thức thành nhân tử (áp dụng nhiều pp)

$$a) 15x^3y^2 - 9x^2y^3 + 6x^4$$

$$b) 4x + x^2 + 4$$

$$c) 36u^2 - \frac{1}{4}v^2$$

$$d) 3a^2 - 4ab + 8b - 6a$$

$$e) x^3 - 6x^2 + 9x$$

Giải

$$a) 15x^3y^2 - 9x^2y^3 + 6x^4$$

$$= 3x^2(5xy^2 - 3y^3 + 2x^2)$$

$$b) 4x + x^2 + 4$$

$$= x^2 + 4x + 4$$

$$= (x+2)^2$$

$$c) 36u^2 - \frac{1}{4}v^2$$

$$= (6u)^2 - \left(\frac{1}{2}v\right)^2$$

$$= \left(6u - \frac{1}{2}v\right)\left(6u + \frac{1}{2}v\right)$$

$$d) 3a^2 - 4ab + 8b - 6a$$

$$= a(3a - 4b) + 2(4b - 3a)$$

$$= a(3a - 4b) - 2(3a - 4b)$$

$$= (3a - 4b)(a - 2)$$

$$e) x^3 - 6x^2 + 9x$$

$$= x(x^2 - 6x + 9)$$

$$= x(x^2 - 2 \cdot x \cdot 3 + 3^2)$$

$$= x(x-3)^2$$

Bài 5. Rút gọn các biểu thức

$$a)(x-1)(x+2) - 2x(x-3)$$

$$b)(x-3)(x+3) - (x-1)(x+4)$$

Giải

$$b)(x-3)(x+3) - (x-1)(x+4)$$

$$= x^2 - 3^2 - (x^2 + 4x - x - 4)$$

$$= x^2 - 9 - x^2 - 4x + x + 4$$

$$\begin{aligned}
 & a)(x-1)(x+2) - 2x(x-3) \\
 & = x^2 + 2x - x - 2 - 2x^2 + 6x \\
 & = -x^2 + 7x - 2
 \end{aligned}$$

Bài 6. Tìm x

$$a) 3x(4-7x) - 9 = 12 - 21x^2$$

Giải

$$\begin{aligned}
 & a) 3x(4-7x) - 9 = 12 - 21x^2 \\
 & \quad 12x - 21x^2 - 9 = 12 - 21x^2 \\
 & 12x - 21x^2 - 9 - 12 + 21x^2 = 0 \\
 & \quad 12x - 21 = 0 \\
 & \quad 12x = 21 \\
 & \quad x = \frac{7}{4}
 \end{aligned}$$

$$b) -2(2x-7) + 4x^2 - 14x = 0$$

$$\begin{aligned}
 & b) -2(2x-7) + 4x^2 - 14x = 0 \\
 & \quad -2(2x-7) + 2x(2x-7) = 0 \\
 & \quad (2x-7)(-2+2x) = 0 \\
 & 2x-7 = 0 \text{ hay } -2+2x = 0 \\
 & \quad x = \frac{7}{2} \text{ hay } x = 1
 \end{aligned}$$

Bài 7 (Bài 82/33)

$$a) x^2 - 2xy + y^2 + 1$$

$$= (x-y)^2 + 1$$

Vì $(x-y)^2 \geq 0$ với mọi số thực x, y

$$\Rightarrow (x-y)^2 + 1 \geq 1 \text{ với mọi số thực } x, y$$

$$\Rightarrow (x-y)^2 + 1 > 0 \text{ với mọi số thực } x, y$$

$$b) x - x^2 - 1$$

$$= -(x^2 - x + 1)$$

$$= -(x^2 - 2x \cdot \frac{1}{2} + \frac{1}{4} - \frac{1}{4} + 1)$$

$$= -\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 - \frac{3}{4}$$

Vì $-\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 \leq 0$ với mọi số thực x, y

$$\Rightarrow -\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 - \frac{3}{4} \leq -\frac{3}{4} \text{ với mọi số thực } x, y$$

$$\Rightarrow -\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 - \frac{3}{4} < 0 \text{ với mọi số thực } x, y$$

Bài tập ở nhà

Bài 1 Tính:

$$a/ \frac{3}{4}x^2y(-4x^3y^2 + 8x - 16y^3)$$

$$b/ (2y^2 - 5y)(5y + 3)$$

$$c/ \left(\frac{3}{2}b - \frac{4}{3}p\right)^2$$

Bài 2. Tìm x , biết:

a) $7x(2-5x)+23=9-35x^2$ b) $4(3x-8)+6x^2-16x=0$

Bài 3. Phân tích đa thức thành nhân tử:

a/ $32x^4y^3 - 24x^2y^3 + 16x^3y^4$ b/ $6a^2 - 9ab + 6b - 4a$
 c/ $16m^2 - 9n^2$ d/ $9x^2 - 12x + 4$

4B. MÔN: TOÁN. HÌNH HỌC LỚP 8

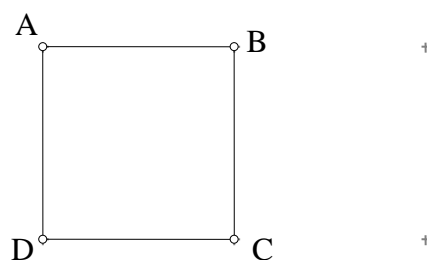
BÀI 12: HÌNH VUÔNG – LUYỆN TẬP

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1/Định nghĩa:

Hình vuông là tứ giác có 4 góc vuông và có 4 cạnh bằng nhau

Tứ giác ABCD là hình vuông $\Leftrightarrow \begin{cases} \hat{A} = \hat{B} = \hat{C} = \hat{D} = 90^0 \\ AB=BC=CD=DA \end{cases}$



2/Tính chất

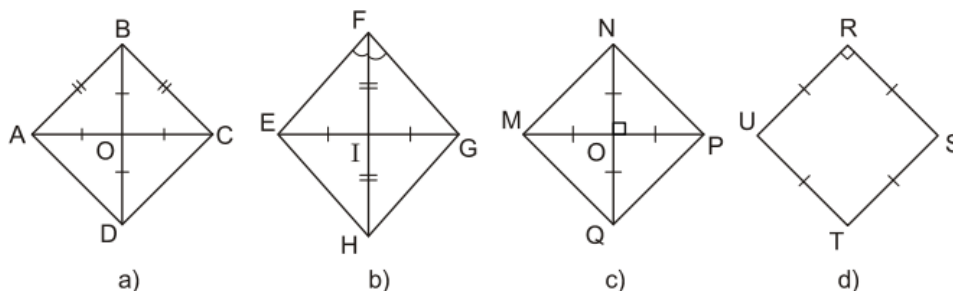
Hình vuông có tất cả các tính chất của hình chữ nhật và hình thoi

3/ Dấu hiệu nhận biết

- 1/Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là hình vuông
- 2/Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông
- 3/Hình chữ nhật có một đường chéo là đường phân giác của một góc là hình vuông
- 4/Hình thoi có một góc vuông là hình vuông
- 5/Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông

B. LUYỆN TẬP:

?2 Tìm các hình vuông trên hình 105.



Hình 105

Hướng dẫn ?2 a/

Tứ giác ABCD có O là trung điểm của 2 đường chéo AC và BD

$AC = BD$ (gt)

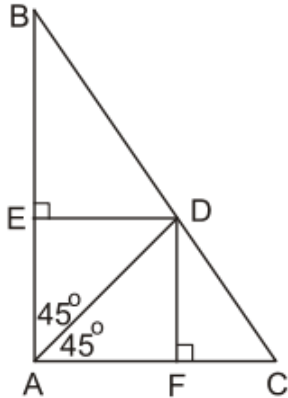
Nên ABCD là hình chữ nhật

Mà $AB = BC$ (gt)

Do đó ABCD là hình vuông (hình chữ nhật có 2 cạnh kề bằng nhau)

Bài tập 81 trang 108 sgk toán 8 tập 1

81. Cho hình 106. Tứ giác AEDF là hình gì ? Vì sao ?



Tứ giác AEDF có $\angle E = \angle F = \angle A = 90^\circ$ (gt)
nên AEDF là hình chữ nhật
mà đường chéo AD là phân giác của $\angle A$ (gt)
Do đó AEDF là hình vuông (hình chữ nhật có
đường chéo là phân giác của góc)

Bài tập 85 trang 109 sgk toán 8 tập 1 (tự luyện thêm)

85. Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 2AD$. Gọi E, F theo thứ tự là trung điểm của AB, CD. Gọi M là giao điểm của AF và DE, N là giao điểm của BF và CE.

a) Tứ giác ADFE là hình gì ? Vì sao ?

b) Tứ giác EMFN là hình gì ? Vì sao ?

-----HẾT-----

5. MÔN: ĐỊA LÝ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Chủ đề 2: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI, KINH TẾ CỦA CHÂU Á.

(Bài 5 + 6 + 7 + 8)

(Tiếp theo)

III) Kinh tế:

1. Nông nghiệp

+ Trồng trọt:

- Sản xuất lương thực: lúa gạo, lúa mì, ngô,...
- Lúa gạo chiếm 93% sản lượng lúa gạo, lúa mì chiếm 39% sản lượng lúa mì của thế giới.
- Sản xuất lương thực đạt kết quả vượt bậc ở một số nước như: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan.
- Thái Lan và Việt Nam xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ 2 thế giới.

+ Chăn nuôi:

- Vùng khí hậu ẩm: trâu, bò, lợn, gà, vịt,...
- Vùng khô hạn: dê, bò, ngựa,...
- Vùng khí hậu lạnh Bắc Á: tuần lộc.

2. Công nghiệp

- Được ưu tiên phát triển ở nhiều nước, nhưng phát triển chưa đều.
- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, gồm công nghiệp khai khoáng, luyện kim, cơ khí...

3. Dịch vụ

- Các hoạt động dịch vụ rất được các nước coi trọng.
- Nhật Bản, Xingapo, Hàn Quốc có dịch vụ phát triển cao.

B. LUYỆN TẬP:

- Bài tập 3 SGK trang 24, 28.

- **Tuần 10 HS tự học có hướng dẫn.**

* **Dặn dò: ghi bài đầy đủ, xem trước bài 10 + 11 trong SGK.**

-----HẾT-----

6. MÔN: THỂ DỤC 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

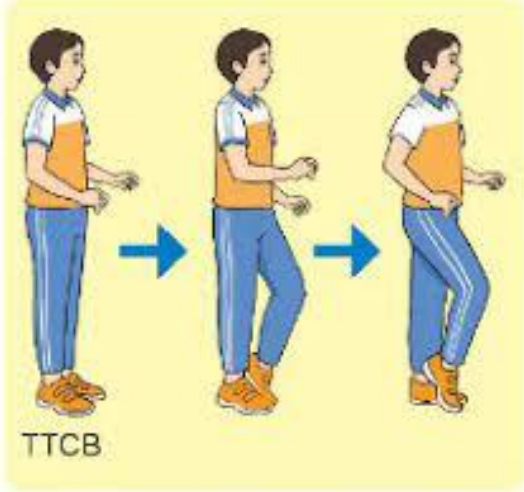

Chủ đề: Chạy cự li ngắn:



- Ôn một số động tác bổ trợ;
- Giới thiệu trò chơi phát triển sức nhanh.

1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt:

- Thực hiện được các động tác bổ trợ chạy cự li ngắn.
- Biết cách thực hiện trò chơi phát triển sức nhanh.
- Học sinh tự giác, tích cực trong tập luyện.

2. Ôn một số động tác bổ trợ:

Phân tích kĩ thuật	Hình ảnh minh họa
<p>+ Hai chân luân phiên thực hiện tiếp đất bằng nửa trước bàn chân, miết nhẹ. Sau khi kết thúc miết bàn chân, chân duỗi thẳng, động tác gần như động tác bước đi. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay hơi co, đánh phối hợp tự nhiên.</p>	 <p>TTCB</p> <p>Hình 3. Động tác bước nhỏ</p>
<p>+ Động tác nâng cao đùi: Hai chân luân phiên thực hiện nâng sao cho đầu gối cao ngang thắt lưng, đùi gần vuông góc với cẳng chân. Chân trụ thẳng, tiếp đất bằng nửa trước bàn chân. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay hơi co, đánh phối hợp tự nhiên.</p>	<h3>3. Động tác nâng cao đùi</h3>  <p>Hình 13. Động tác nâng cao đùi</p>

<p>+ Động tác chạy đạp sau: Chân trước co, nâng gối cao ngang thắt lưng, chân sau đạp duỗi thẳng. Hai chân luân phiên thực hiện. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay co, đánh phối hợp tự nhiên.</p>	 <p>Hình 14. Động tác đạp sau</p>
<p>+ Động tác đánh tay: Hai chân đứng trước sau, gối hơi khuỵu, thân trên thẳng. Hai tay hơi co, bàn tay nắm hờ, luân phiên đánh trước sau, tay đánh ra trước cao ngang ngực, tay còn lại đánh rộng ra sau sao cho khuỷu tay nâng cao gần ngang vai.</p>	 <p>Hình 15. Động tác đánh tay</p>

3. Trò chơi "Chạy con thoi"

- **Dụng cụ:** Phần viết, còi, đồng hồ bấm giờ.

- **Cách thực hiện:**

Quy tắc: Sử dụng phần viết vẽ 2 vạch kẻ song song và cách nhau 10m. Sau khi nghe hiệu lệnh (tiếng còi hoặc tiếng vỗ tay), người chơi thực hiện xuất phát từ vạch 1, chạy nhanh đến vạch 2, chạm chân (hoặc tay) vào vạch và nhanh chóng chạy nhanh về vạch 1, tiếp tục thực hiện như vậy 4 lần. Người nào thực hiện trong thời gian ngắn nhất là chiến thắng.



B. TẬP LUYỆN:

1. Khởi động:

Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang. (Mỗi động tác thực hiện 2x8 nhịp)

2. Tập luyện:

a. Ôn các kĩ thuật bổ trợ: Bước nhỏ, nâng cao đùi, chạy đạp sau, cách đánh tay: Học sinh thực hiện tương đối đúng kĩ thuật. Lượng vận động: Mỗi kĩ thuật thực hiện 3-5 tổ, mỗi tổ 15 giây, nghỉ giữa 2 tổ từ 1-2 phút.

b. Trò chơi:

Học sinh biết cách thực hiện trò chơi.

3. Hồi tĩnh, thả lỏng:

Sau buổi tập học sinh cần thực hiện các động tác thả lỏng, hồi tĩnh: Hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng các nhóm cơ tay, chân; các động tác căng giãn cơ.

-----HẾT-----

7. MÔN: LỊCH SỬ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

Bài 9: TRUNG QUỐC GIỮA THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

I. TRUNG QUỐC BỊ CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHIA XÉ

- Trung Quốc là một nước lớn. giàu tài nguyên, nền văn hóa rực rỡ.
- Nửa sau thế kỉ XIX, chế độ phong kiến suy yếu, mục nát.
- Năm 1840-1842, Anh tiến hành cuộc “Chiến tranh thuốc phiện”, mở đầu quá trình xâm lược Trung Quốc của các đế quốc Âu, Mĩ, Nhật Bản.
- Trung Quốc bị biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

II. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX

(HS đọc SGK và tự lập Bảng niên biểu các cuộc đấu tranh tiêu biểu)

III. CÁCH MẠNG TÂN HỘI (1911)

- Năm 1905, Tôn Trung Sơn thành lập *Trung Quốc Đồng minh hội* – chính đảng của giai cấp tư sản và đề ra Học thuyết Tam dân.
- Mục tiêu là:
 - ✓ Đánh đổ PK Mãn Thanh
 - ✓ Khôi phục Trung Hoa
 - ✓ Thành lập dân quốc
 - ✓ Thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất
- Cách mạng diễn ra từ 10/10/1911 đến tháng 2/1912, thành lập nước Trung Hoa dân quốc.
- Ý nghĩa LS: CM đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thành lập nước công hòa, mở đường cho CNTB phát triển ở Trung Quốc và có ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.
- Tuy nhiên CM vẫn còn nhiều hạn chế.

B. LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1/ Năm 1840 -1842, cuộc “Chiến tranh thuốc phiện” đã diễn ra giữa

- A. Trung Quốc với Anh
- B. Trung Quốc với Pháp
- C. Trung Quốc với Mĩ
- D. Trung Quốc với Nhật Bản

2/ Cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX, Trung Quốc bị biến thành

- A. Nước thuộc địa
- B. Nước phụ thuộc
- C. Nước thuộc địa, nửa phong kiến
- D. Nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến

3/ Cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 10/10/1911 đến tháng 12/1911

- B. 10/10/1911 đến tháng 1/1912
- C. 10/10/1911 đến tháng 2/1912
- D. 10/10/1911 đến cuối năm 1912

4/ Cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) đã hoàn thành được mục tiêu chính là

- A. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế
- B. Thành lập dân quốc và đánh đuổi các nước đế quốc
- C. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế và thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất
- D. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế và thành lập dân quốc

C. DẶN DÒ

- Đọc SGK bài 10 để tìm hiểu bài và lập Bảng niên biểu các cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Trung Quốc (mục II)

Thời gian	Phong trào đấu tranh	Kết quả

- Ghi chép nội dung trọng tâm bài học vào vở.
- Đọc trước bài 11 và 12 chuẩn bị cho tiết học tuần sau (tuần 11).

-----**HẾT**-----

8. MÔN: TIẾNG ANH 8

➤ TIẾT 28 - UNIT 4 : OUR PAST - WRITE

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

New words

- burn (v , n)	đốt, vết bỏng
- escape (v)	trốn thoát
- graze (v)	gặm cỏ
- nearby (adv)	gần, gần bên, bên cạnh
- wise (adj)	khôn ngoan, thông thái, sáng suốt
wisdom (un.c)	trí khôn, trí tuệ
- straw (unc)	rơm
- stripe (n)	sọc, vằn
- master (n)	chủ , ông chủ # mistress (n): bà chủ
- serve (v)	phục vụ
servant (n)	người phục vụ, đầy tớ
- tie to ... (v)	buộc, cột vào ...

B. LUYỆN TẬP

Task 1. Complete the story. Use the verbs in the box.

(Hãy hoàn thành câu chuyện sau, dùng động từ cho sẵn.)

burned escaped went was appeared
left lit tied was grazing said

How the tiger got his stripes

One day, as a farmer was in his field and his buffalo (0) **was grazing** nearby, a tiger (1) _____. The tiger wanted to know why the strong buffalo was the servant and die small man (2) _____ the master. The farmer (3)_____ he had something called wisdom, but he (4) _____ it at home that day. He (5)_____ to get the wisdom, but before that he (6) _____ the tiger to a tree with a rope because he didn't want it to eat the buffalo. When he returned, the farmer brought some straw with him. He said it was his wisdom. He (7) _____ the straw and the fire (8) _____ the tiger. The tiger (9)_____, but it still has black stripes from the burns today.

Suggested answers

1. appeared 2. was 3. said 4. left 5. went

6. tied 7. lit 8. burned 9. escaped

Task 2. Now imagine you are the man. Use the words to write the story. Start like this:
(*Bây giờ em hãy tưởng tượng em là người đàn ông ấy. Em hãy dùng những từ gợi ý sau để viết thành câu chuyện, bắt đầu như thế này:*)

One day as I was in the field and

One day/ I/ field

buffalo/ graze/ tiger/ come

It/ ask/ why/ strong buffalo/ my servant/ and I/ its master

I/ tell/ tiger/ I/ have/ wisdom

tiger/ want/ see/ it

I/ tell/ it/ I/ leave/ wisdom/ home

then I/ tie/ tiger/ tree/ rope/ I/ didn't/ want/ eat/ buffalo

I/ go/ get/ straw/ and/ burn/ tiger

tiger/ escape/ still have/ black stripes

Suggested writing

One day as **I** was in the field and **my** buffalo was grazing nearby, a tiger came. It asked why the strong buffalo was **my** servant and why **I** was its master. **I** told the tiger that **I** had something called wisdom. The tiger wanted to see it, but **I** told it **I** left **my** wisdom at home that day. Then **I** tied the tiger to a tree with a rope because **I** didn't want it to eat **my** buffalo. **I** went to get some straw which **I** said was **my** wisdom and burned the tiger. The tiger escaped, but it still ha

TIẾT 29: UNIT 4 : OUR PAST - LANGUAGE FOCUS

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

I/ PAST SIMPLE (Quá khứ đơn)

Diễn đạt hành động đã bắt đầu và kết thúc ở quá khứ (ago – last – yesterday – in 2020 – this morning – when he was / lived

- **Be** S + was / were (He **was** at home yesterday.)
 S + wasn't / weren't ... (He **wasn't** at home yesterday.)
 (Wh) + was / were + S?(Was he at home yesterday?)
- **Verb** S + V2/ed (Ba **visited** his grandma 2 days ago.)

 S + **didn't** + Vo (Ba **didn't visit** his grandma 2 days ago)
 (Wh) + **did** + S + Vo? (**Did** Ba **visit** his grandma 2 days ago?)

II/ PREPOSITIONS OF TIME (Giới từ chỉ thời gian)

- **IN:** in November, in 2021, in winter, in the morning, in time
- **ON:** on Tuesday, on November 2, on my birthday, on time...
- **AT:** at 2 o'clock, at noon, at night, at Tet, at Christmas ...
- **BETWEEN AND :** between 3 pm and 5 pm...
- **AFTER / BEFORE :** after 11 am.....
- **FROM TILL/ UNTILL / UP TO ... :** from the early morning till night...

III/ USED TO : Đã từng

Diễn đạt 1 thói quen hay việc thường xảy ra trong quá khứ bây giờ không còn nữa

- (+) **S + used to + Vo.** (She used to eat meat)
- (-) **S + didn't use to + Vo** (She didn't use to eat meat)
- (?) **(Wh) + did + S + use to + Vo?** (What did she use to eat?)

- **Be / Get used to + V- ing: quen với / thích nghi với**

She **is used to working** in group. (Cô ấy thích nghi với việc làm việc đội nhóm)

B. LUYỆN TẬP

Task 1. Write the past simple form of each verb. (p 44)

(Em hãy viết hình thức của thì quá khứ đơn cho mỗi động từ.)

- a) run ⇒ ran b) fly c) take d) go
- e) have f) do g) be h) ride
- i) eat j) sit k) come

Key

- a) run ⇒ ran b) fly ⇒ flew c) take ⇒ took d) go ⇒ went
- e) have ⇒ had f) do ⇒ did g) be ⇒ was/ were h) ride ⇒ rode
- i) eat ⇒ ate j) sit ⇒ sat k) come ⇒ came

Task 2. Complete the dialogue below. Use the past simple.(p 44)

(Em hãy hoàn thành hội thoại sau, dùng thì quá khứ đơn.)

- a) **Lan:** _____ ?
Nga: No. I ate noodles.
- b) **Ba:** How did you get to school?
Nam: _____ ?
- c) **Minh:** _____ ?

Hoa: I was at home.

d) **Chi:** Which subject did you have yesterday?

Ba: _____

Suggested answers

a. Lan: **Did you eat bread for breakfast?**

Nga: No. I ate noodles.

b. Ba: How did you get to school?

Nam: **I got to school by bicycle./ I rode a bike to school./ I walked to school.**

c. Minh: **Where were you last night?**

Hoa: I was at home.

d. Chi: Which subject did you have yesterday?

Ba: **I had Maths, Physics, English and Literature.**

Task 3. Complete the sentences. Use the prepositions in the table. (p 45)

(Hoàn thành các câu sau, dùng giới từ cho trong bảng.)

in	November 1997	between	7 am and 8 am
on	Monday, July 2	after	3 pm
at	6 pm	before	

a) I'll see you **on** Wednesday.

b) I'm going to Laos _____ January.

c) We must be there _____ 8.30 and 9.15.

d) The bank closes _____ 3 pm. If you arrive _____ 3 pm, the bank will be closed.

e) I'll be home _____ seven because I want to see the seven o'clock news.

Key

a. I'll see you **on** Wednesday.

b. I'm going to Laos **in** January.

c. We must be there **between** 8.30 and 9.15.

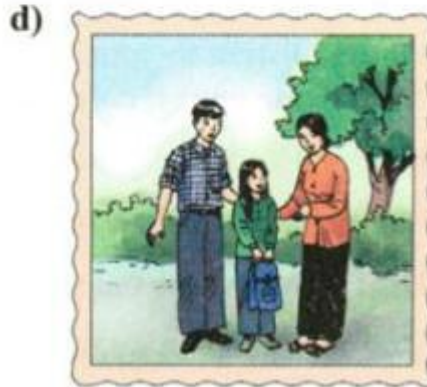
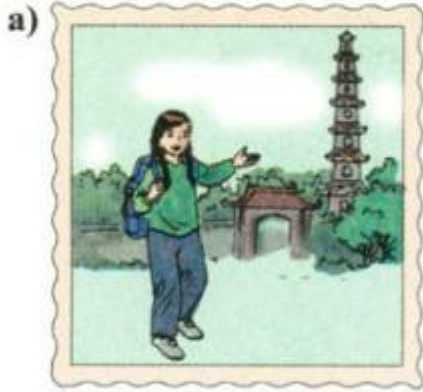
d. The bank closes **at** 3 pm. If you arrive **after** 3 pm, the bank will be closed.

e. I'll be home **before** seven because I want to see the seven o'clock news.

Task 4. Look at the pictures. Complete the dialogue. Use used to and the verbs in the box.

(Hãy nhìn tranh rồi hoàn thành hội thoại sau, sử dụng used to và động từ cho trong khung.)

live	stay	have	be
-------------	-------------	-------------	-----------



Nga: Where is this? It isn't Ha Noi.

Hoa: No, it's Hue. I (0) **used to stay** there.

Nga: Is that you, Hoa?

Hoa: Yes. I (1) _____ long hair.

Nga: Who is in this photo?

Hoa: That is Loan. She (2) _____ my next-door neighbor.

Nga: Are they your parents?

Hoa: No. They're my aunt and uncle. They (3) _____ in Hue, too.

Key

Nga: Where is this? It isn't in HaNoi.

Hoa: No, it's in Hue. I (0) **used to stay** there.

Nga: Is that you, Hoa?

Hoa: Yes. I (1) **used to have** long hair.

Nga: Who is in this photo?

Hoa: That is Loan. She (2) **used to be** my next door neighbor.

Nga: Are they your parents?

Hoa: No. They're my aunt and uncle. They (3) **used to live** in Hue, too.

➤ **TIẾT 30**

UNIT 5 : STUDY HABITS

Lesson: - GETTING STARTED (Học sinh tự thực hiện)

- LISTEN & READ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

I/ GETTING STARTED (Học sinh tự thực hiện)

Hs tự ôn lại từ vựng theo chủ đề “THÓI QUEN HỌC TẬP”

School subjects: Math - Literature – Biology – Geography – Civic Education)

Ask and answer yourself:

- Which subjects do you like best?
- Which subject are you good / bad at?
- How often do you have Math?
- How much time do you spend on homework every day?
- How much time do you spend on English every day?
- Do you learn vocabulary by heart?
- How many words do you learn every day?
- Which subject do you need to improve ?

II/ LISTEN & READ

New words

- report card (n) : phiếu điểm, phiếu thông báo kết quả học tập

- semester (n): học kỳ

- pronounce (v) phát âm

pronunciation (n) sự phát âm, cách phát âm

- improve (v): cải thiện , cải tiến, trau dồi

Improvement (n): sự cải thiện, sự tiến bộ

- be proud of = take pride in : tự hào về

- try one's best: cố hết sức

- promise (v,n) : hứa, lời hứa

- believe (v): tin , tin tưởng

belief (n) : sự tin tưởng, lòng tin

(un)believable (adj) (không thể) có thể tin được

Listen and read

Mom: Tim? Tim? Are you home?

Tim: Yes, Mom. I'm in the living-room. What is it, Mom?

Mom: I went to your school today and Miss Jackson gave me your report card.

Tim: Oh, is it a good report?

Mom: Don't worry. It's excellent. You did very well.

Tim: May I see the report?

Mom: Sure. I'm proud of you, Tim. I know you worked really hard this semester.

Tim: Thanks, Mom.

Mom: But there's one thing you need to improve.

Tim: What's that, Mom?

Mom: Miss Jackson said you should work harder on your Spanish pronunciation. She asked me to give you this dictionary.

Tim: Yes, I know. Some of those Spanish sounds are really hard. I'll try my best to improve them.

Mom: I believe you can do it, Tim.

B. LUYỆN TẬP

Task 1: Practice the dialogue with a partner.

Task 2. True or false? Check (✓) the boxes. (p 47)

- a. Tim was out when his mother called him.
- b. Tim's mother met his teacher at school.
- c. Tom's report is poor.
- d. Tim's mother wants him to improve one thing
- d. Tim needs to improve his Spanish grammar.
- e. Tim promised to try his best in learning Spanish.

Key:

- a. Tim was out when his mother called him. **F**
- b. Tim's mother met his teacher at school. **T**
- c. Tom's report is poor. **F**
- d. Tim's mother wants him to improve one thing **T**

- d. Tim needs to improve his Spanish grammar. **F**
- e. Tim promised to try his best in learning Spanish. **T**

Task 3: Answer the questions

- a) Who is Miss Jackson?
- b) What did Miss Jackson give Tim's mother?
- c) How did Tim study this semester?
- d) What did Miss Jackson say Tim should do?
- e) What did Tim's mother give him at the end of the conversation?

Suggested answers

- a. Miss Jackson/ She is Tim's teacher.
- b. She gave Tim's mother his report card.
- c. He studied very hard.
- d. She said that Tim/ he should work harder on his Spanish pronunciation.
- e. She gave him a dictionary.

-----THE END-----

9. MÔN: NGỮ VĂN 8

CHỦ ĐỀ

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

A. LÝ THUYẾT: NỘI DUNG GHI BÀI:

Văn bản 1:

CÔ BÉ BÁN DIÊM

(Trích)

An-đéc-xen

I/ Đọc tìm hiểu chú thích.

1. Tác giả :

- An- đéc- xen (1805 -1875), nhà văn Đan Mạch, nổi tiếng với loại truyện dành cho trẻ em.
- Truyện của An-đéc- xen nhẹ nhàng, tươi mát, toát lên lòng thương yêu con người

2. Tác phẩm :

- Vị trí : Văn bản trích gần hết truyện ngắn *Cô bé bán diêm*
- Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.
- Ngôi kể: ngôi thứ ba.
- Thể loại: truyện ngắn.
- Bố cục: 3 phần
- +Phần 1: Từ đầu... cứng đờ ra → Hoàn cảnh của cô bé bán diêm.
- +Phần 2: Chà !...về châu thượng đế → Các lần quẹt diêm và mộng tưởng.
- +Phần 3: còn lại → Cái chết của cô bé bán diêm

II/ Đọc hiểu văn bản.

1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm

- Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán.
- Sống với cha trong một xóm tối tăm.
- Luôn bị mắng nhiếc chửi rủa.
- Phải đi bán diêm để kiếm sống.

=> **Thật tội nghiệp, đáng thương, thiếu vắng tình thương yêu, sự chia sẻ.**

2. Những lần quẹt diêm và những mộng tưởng của cô bé bán diêm

- Lần 1: Lò sưởi tỏa hơi nóng dịu dàng
 - Lần 2: Bàn ăn thịnh soạn có cả một con ngỗng quay.
 - Lần 3: Cây thông Nôen trang trí lộng lẫy.
 - Lần 4: bà đang mỉm cười với em.
 - Lần 5: hai bà cháu bay vút lên cao.
- > Mộng tưởng của cô bé qua các lần quẹt diêm diễn ra theo thứ tự hợp lí.

=> **Luôn khao khát ấm no, yên vui, hạnh phúc. Đó là những khao khát chính đáng của con người.**

3. Cái chết của cô bé bán diêm.

- Là cái chết đẹp, chết về thể xác nhưng linh hồn, khát vọng của bé vẫn sống “*đôi má hồng, đôi môi đang mỉm cười*”
- Cái chết thể hiện bi kịch lạc quan của tác phẩm.

-> **Biện pháp NT tương phản, đối lập**
=> **Kết thúc truyện thể hiện nỗi day dứt, xót xa của nhà văn đối với em bé bất hạnh**

III/ Ghi nhớ (Sgk/ 68)

Văn bản 2 :
CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG
(Trích) - O Hen-ri -

I. Đọc - chú thích

1. Tác giả

- O Hen-ri (1862 -1910)
- Nhà văn Mỹ chuyên viết truyện ngắn.
- Truyện của ông thường nhẹ nhàng nhưng toát lên tinh thần nhân đạo cao cả.

b. Tác phẩm.

- Vị trí: Văn bản là đoạn cuối của truyện ngắn cùng tên.
- Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.
- Bố cục: 3 phần
- + P1: Từ đầu ... *mái hiên thấp kiểu Hà Lan* -> Tâm trạng chán nản, tuyệt vọng của Giôn - xi.
- + P2: Tiếp... *bồi dưỡng và chăm nom, thể thối* -> Sự hồi sinh của Giôn - xi.
- + P3: Còn lại -> Sự hi sinh thầm lặng và cao thượng của cụ Bơ - men

II. Tìm hiểu văn bản

1. Nhân vật Giôn Xi

a) Xuất thân và cảnh ngộ

- Nghề nghiệp: Họa sĩ => Làm nghệ thuật.
- Hoàn cảnh: Nghèo, sống trong một căn hộ thuê ở Oa-sinh-ton.
- Cảnh ngộ: Bị bệnh viêm phổi (bệnh nan y).

=> Bất hạnh, mang bi kịch của người họa sĩ nghèo.

b) Diễn biến tâm trạng của Giôn-xi trước bờ vực của cái chết

* Lần kéo màn thứ nhất:

- ... *cặp mắt thần thờ nhìn tấm màn xanh kéo xuống....*

- *thều thào ra lệnh....*

-> **yếu ớt, gần như cạn kiệt sức sống.**

- *Đó là chiếc lá cuối cùng...*

- *Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.*

-> **chán nản, không còn tin tưởng vào sự sống.**

- *Không trả lời, tâm hồn đang chuẩn bị cho chuyến đi xa xôi bí ẩn.*

-> **tuyệt vọng, không muốn sống.**

=> cô gái yếu đuối, tuyệt vọng vừa đáng thương vừa đáng trách.

* Lần kéo màn thứ hai.

- *Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.*

- Nhìn chiếc lá hồi lâu.

- Em thật là một con bé hư

-> **cảm nhận trong chiếc lá mỏng manh, nhỏ nhoi ấy chứa đựng một sức sống mãnh liệt, bền bỉ.**

- Cho em xin tí cháo, chút sữa, chiếc gương tay

- em hi vọng sẽ được về vịnh Na-pơ.

-> **nhu cầu sống, tình yêu nghệ thuật hội họa đã trở lại với Giôn-xi.**

=> **Giôn-xi đã vượt qua được cái chết.**

2. CỤ BƠ-MEN

a) Xuất thân, hoàn cảnh

- Xuất thân, nghề nghiệp: Là một họa sĩ già, nghèo, thường ngồi làm mẫu vẽ cho các họa sĩ khác để kiếm tiền.

- Ước mơ: Suốt bốn chục năm, cụ chỉ mơ ước vẽ được một *kiệt tác* của riêng mình.

=> **Nghèo khổ, dành trọn tâm huyết với nghề.**

b) Diễn biến tâm trạng và hành động của cụ Bơ-men

- Sợ sệt nhìn cây thường xuân

-> tấm lòng thương yêu, lo lắng cho Giôn-xi.

- “Cụ Bơ-men đã **chết** vì *sung phổi* hôm nay ở bệnh viện rồi...”

→ **Tình tiết bất ngờ, gây xúc động cho người đọc: Trong đêm tối, cụ Bơ-men vẽ chiếc lá thường xuân, để thắp lên ngọn lửa sự sống cho Giôn-xi.**

c) Chiếc lá cuối cùng

- Vẽ chiếc lá âm thầm, bí mật trong đêm mưa gió lạnh buốt ngoài trời.

- Chiếc lá là một *kiệt tác*:

+ Sinh động như thật

+ Đem lại sự sống cho Giôn-xi

+ Vẽ bằng cả tình thương bao la và lòng hi sinh cao thượng.

3. Đặc sắc nghệ thuật

- Tình tiết hấp dẫn, sắp xếp khéo léo.

- Đảo ngược tình huống hai lần-> bất ngờ, hấp dẫn.

- Kết thúc truyện độc đáo.

III Ghi nhớ (Sgk/90).

Văn bản 3 – HDTH :

HAI CÂY PHONG

(Trích Người thầy đầu tiên - Ai-ma-tốp-)

1. Nghệ thuật.

- Lồng ghép hai mạch kể.

- Kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm, nổi bật là miêu tả và biểu cảm.

- So sánh, nhân hóa, miêu tả bằng trí tưởng tượng phong phú.

2. Nội dung.

- Tình yêu tha thiết, sâu nặng đối với hai cây phong cũng là tình yêu quê hương da diết.

- Tình yêu hai cây phong gắn với tình yêu quý người thầy đã vun trồng ước mơ, hi vọng cho những học trò nhỏ.

- Hai cây phong là bài ca nghĩa tình về quê hương về người thầy vĩ đại đã *trồng cây, trồng người*.

Văn bản 4 – HDTH :
ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ
(Trích Đôn-ki-hô-tê Xéc-van-tét)

1- Nghệ thuật:

- + Nghệ thuật tương phản tô đậm sự đối lập giữa 2 nhân vật.
- + Giọng điệu hài hước.

2- Nội dung:

Đoạn trích cũng như toàn bộ tác phẩm đã tạo nên cặp nhân vật bất hủ trong văn học thế giới: Đôn Ki-hô-tê thật nực cười nhưng cơ bản có những phẩm chất đáng quý, Xan-cho Pan-xa có những mặt tốt song cũng bộc lộ những điểm đáng chê trách.

B. LUYỆN TẬP: Viết đoạn văn (8-10 câu) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật: Cô bé bán diêm/ Giôn- xi / Cụ bơ-men.

-----HẾT-----

10. MÔN: TIN HỌC 8

Bài 4

SỬ DỤNG BIẾN VÀ HẰNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Biến là công cụ trong lập trình

- Trong lập trình, biến là tên của vùng nhớ được dùng để *lưu trữ dữ liệu* và dữ liệu được biến lưu trữ có thể thay đổi trong khi thực hiện chương trình.
- Dữ liệu do biến lưu trữ được gọi là giá trị của biến.

2. Khai báo biến

- Các biến dùng trong chương trình cần phải được khai báo ngay trong phần khai báo của chương trình.

- **Cú pháp khai báo biến:**

Var tên biến : kiểu dữ liệu;

Ví dụ: khai báo hai biến có tên là m và n, có kiểu số nguyên:

Var m, n : integer;

3. Sử dụng biến trong chương trình

a) Gán giá trị cho biến

- **Cú pháp câu lệnh gán:**

Tên biến:= biểu thức;

Lưu ý: dấu : và dấu = phải viết liền nhau

Vd: x:= 12;

- Gán giá trị cho biến bằng câu lệnh nhập dữ liệu **Read(tên biến);** hoặc **Readln(tên biến);**

Ví dụ: Nhập giá trị cho biến m:

Readln(m);

- In giá trị biến ra màn hình bằng câu lệnh **write(tên biến);** hoặc **writeln(tên biến);**

Vd: In giá trị biến m ra màn hình:

writeln(m);

b) Tính toán với giá trị của biến

ví dụ: X:= (a + b)/2;

4. Hằng

- Hằng để lưu trữ dữ liệu, là đại lượng *có giá trị không đổi* trong suốt quá trình thực hiện chương trình.

- **Cú pháp khai báo hằng:**

Const tên hằng = giá trị ;

Vd: const pi=3.14;

Sau khi khai báo hằng Pi, ta có thể sử dụng hằng trong phần thân chương trình với câu lệnh:

CV := 2* Pi * R;

DT := Pi * R * R;

B. LUYỆN TẬP:

1) Giả sử A được khai báo là biến với kiểu dữ liệu số thực, X là biến với kiểu dữ liệu chuỗi ký tự. Các phép toán sau đây có hợp lệ không?

a) A:= 4; b) X:= 3242; c) X:= '3242'; d) A:= 'Ha Noi'.

2) Nêu sự giống nhau và khác nhau giữa biến và hằng và cho một vài ví dụ về khai báo biến và hằng?

-----HẾT-----

11. MÔN: SINH 8

CHỦ ĐỀ: HỆ TUẦN HOÀN

BÀI 19: THỰC HÀNH SƠ CỨU CÀM MÁU

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHĐ):

I. CÁC DẠNG CHẢY MÁU

- + Chảy máu mao mạch
- + Chảy máu tĩnh mạch
- + Chảy máu động mạch

II. TẬP BĂNG BÓ VẾT THƯƠNG

1. Băng bó vết thương ở lòng bàn tay (chảy máu mao mạch, tĩnh mạch)

- Dùng ngón tay cái bịt chặt miệng vết thương trong vài phút
- Sát trùng vết thương bằng cồn
- Khi vết thương nhỏ, có thể dùng băng dán
- Khi vết thương lớn, cho ít bông vào giữa 2 miếng gạc rồi đặt nó vào miệng vết thương và dùng băng buộc chặt lại.

2. Băng bó vết thương ở cổ tay (chảy máu ở động mạch)

- Buộc garo: dùng dây cao su hay vải mềm buộc chặt ở vị trí gần sát nhưng cao hơn vết thương.
- Sát trùng vết thương, đặt gạc và bông lên miệng vết thương và băng lại
- đưa ngay đến bệnh viện cấp cứu.

B. LUYỆN TẬP:

- Hs viết báo cáo thu hoạch

1/ Phân biệt chảy máu tĩnh mạch và động mạch ?

2/ Những yêu cầu cơ bản của biện pháp buộc dây garo là gì?

3/ Vì sao chỉ những vết thương chảy máu động mạch

ở tay hoặc chân mới dùng biện pháp buộc dây garo?

4/ Những vết thương chảy máu động mạch

không phải ở tay chân xử lí như thế nào?

C. DẶN DÒ:

- Học làm bài tập
- Ôn tập.

ÔN TẬP

A. LÝ THUYẾT

- ÔN KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI
- CHỦ ĐỀ HỆ VẬN ĐỘNG
- CHỦ ĐỀ HỆ TUẦN HOÀN

B. LUYỆN TẬP: Chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1. Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

A. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tố máu thì còn lại nước mô.

B. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tố máu thì còn lại huyết tương.

C. Huyết tương khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết thanh.

D. Nước mô khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết tương.

Câu 2. Nhóm máu nào dưới đây không tồn tại cả hai loại kháng nguyên A và B trên hồng cầu ?

A. Nhóm máu O B. Nhóm máu A C. Nhóm máu B D. Nhóm máu AB

Câu 3. Người mang nhóm máu AB có thể truyền máu cho người mang nhóm máu nào mà không xảy ra sự kết dính hồng cầu ?

A. Nhóm máu O B. Nhóm máu AB C. Nhóm máu A D. Nhóm máu B

Câu 4. Trong hệ nhóm máu ABO, khi lần lượt để các nhóm máu truyền chéo nhau thì sẽ có tất cả bao nhiêu trường hợp gây kết dính hồng cầu ?

A. 7 trường hợp B. 3 trường hợp C. 2 trường hợp D. 6 trường hợp

Câu 5. Trong hệ bạch huyết của người, phân hệ nhỏ thu bạch huyết ở

A. nửa trên bên phải cơ thể. B. nửa dưới bên phải cơ thể.
C. nửa trên bên trái và phần dưới cơ thể. D. nửa dưới bên phải và phần trên cơ thể.

Câu 6. Bệnh nào dưới đây có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm ở hệ tim mạch ?

A. Bệnh nước ăn chân B. Bệnh tay chân miệng
C. Bệnh thấp khớp D. Bệnh á sừng

Câu 7. Loại đồ ăn nào dưới đây đặc biệt có lợi cho hệ tim mạch ?

A. Kem B. Sữa tươi C. Cá hồi D. Lòng đỏ trứng gà

Câu 8. Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

A. Thường xuyên vận động và nâng cao dần sức chịu đựng
B. Nói không với rượu, bia, thuốc lá, mỡ, nội tạng động vật và thực phẩm chế biến sẵn
C. Ăn nhiều rau quả tươi, thực phẩm giàu Omega – 3
D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 9. Nhịp tim sẽ tăng lên trong trường hợp nào sau đây ?

A. Khi bị khuyết tật tim (hẹp hoặc hở van tim, xơ phổi, mạch máu xơ cứng...)
B. Khi sử dụng các chất kích thích như thuốc lá, rượu, hêrôin,...
C. Tất cả các phương án còn lại
D. Khi cơ thể trải qua cú sốc nào đó: sốt cao, mất máu, mất nước hoặc lo lắng, sợ hãi kéo dài

Câu 10. Ở trạng thái nghỉ ngơi thì so với người bình thường, vận động viên có

A. nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.
B. nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.
C. nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.
D. nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

C.DẶN DÒ:

Học sinh:

- Đọc phần em có biết

Học thuộc bài ghi, làm bài tập trên trang lophoc.hcm.edu

Xem trước bài 20 : Hô hấp và các cơ quan hô hấp

-----HẾT-----

12. MÔN: MỸ THUẬT 8

BÀI 6 : VẼ TRANH ĐỀ TÀI GIA ĐÌNH (TIẾT 2)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Học sinh xem lại phần kiến thức đã học trong Bài 6 tiết 1.

B. LUYỆN TẬP:

Học sinh hoàn thành tác phẩm “Gia đình”.

-Kích thước: A4

-Chất liệu màu: tùy chọn

-----HẾT-----

13. MÔN: ÂM NHẠC KHỐI 8

Tiết 9: Kiểm tra giữa kì 1 (tiếp theo)

1. Đề kiểm tra:

Học sinh lựa chọn trình bày 1 trong 4 bài sau đây:

1. Bài hát Mùa thu ngày khai trường
2. Bài hát Lí đĩa bánh bò
3. Tập đọc nhạc số 1: Chiếc đèn ông sao
4. Tập đọc nhạc số 2: Trở về Suriento

2. Yêu cầu cần đạt: Đạt được 2/3 yêu cầu sau:

a. Đối với bài hát:

- Thuộc lời bài hát,
- Hát đúng giai điệu bài hát
- Hát diễn cảm bài hát

b. Đối với bài TĐN:

- Thuộc tên nốt bài TĐN
- Đọc đúng cao độ, trường độ bài TĐN
- Đọc TĐN có sắc thái

-----HẾT-----

14. MÔN: VẬT LÝ 8

LUYỆN TẬP

A. LUYỆN TẬP:

* Bài 1:

Một học sinh đi từ nhà đến trường hết 20 min. Chiều dài quãng đường là 1,8 km. Tốc độ trung bình của học sinh đó là bao nhiêu km/h?

(gợi ý: 20 min = 1/3 h)

* Bài 2:

Kéo một vật trượt đều trên mặt sàn nằm ngang. Khi đó, trọng lực cân bằng với phản lực của bề mặt lên vật, còn lực kéo cân bằng với lực ma sát trượt. Hãy biểu diễn 4 lực này chung 1 hình.



* Bài 3:

a/ Lực giúp ta cầm nắm được các vật không bị trơn tuột khỏi tay là lực gì?

b/ Lực giúp ta đi lại được trên mặt sàn mà không bị trơn té là lực gì?

c/ Khi trượt tuyết, lực ma sát gì sinh ra?

B. DẶN DÒ:

Xem trước bài 7: Áp suất

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ MÔN THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Hóa học		
5	GDCD		
6	Tin học		
7	Công nghệ		
8	Sinh học		

9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		
11	Tiếng Anh		
12	Lịch sử		
13	Địa lý		
14	Âm nhạc		